

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ**

Số: *111* /GP-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thanh Hoá, ngày 24 tháng 3 năm 2016*

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ THUÊ ĐẤT  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TT-BTNMT ngày 29/11/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 22/4/2013 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản đất san lấp trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đất san lấp tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia”;

Căn cứ Công văn số 10031/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương cho Công ty TNHH Hà Thành lập hồ sơ khai thác mỏ đất san lấp tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia;

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 24/4/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác đất san lấp tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia của Công ty TNHH Hà Thành;

Xét Đơn và hồ sơ của Công ty TNHH Hà Thành (nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường) đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 302/TTr-STNMT ngày 18 tháng 3 năm 2016,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1.

a) Cho phép Công ty TNHH Hà Thành được khai thác đất làm vật liệu san lấp tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 90.700 m<sup>2</sup>; trong đó, diện tích khu vực khai thác là 85.700 m<sup>2</sup> được giới hạn bởi các điểm góc 4, 5, 6, 7', 8', 9', 10, 11 và 12; diện tích khu vực khai trường là 5.000 m<sup>2</sup> được xác định bởi các điểm góc 2', 3', 4', 4 và 5 có toạ độ xác định trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo;

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu san lấp;

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 445.106 m<sup>3</sup>;

+ Trữ lượng khai thác: 444.796 m<sup>3</sup>;

- Thân khoáng: Dạng khối;

- Công suất khai thác: 25.000 m<sup>3</sup>/năm;

- Mức sâu khai thác: Đến cos +9 m;

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên;

- Thời hạn khai thác: 17 năm 11 tháng, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 01 tháng;

- Lệ phí cấp Giấy phép: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

b) Cho Công ty TNHH Hà Thành thuê 90.700 m<sup>2</sup> đất tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia để sử dụng vào mục đích khai thác khoáng sản và làm khai trường;

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 131/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 09/3/2016;

- Loại đất: Đất khai thác khoáng sản, Công ty TNHH Hà Thành đã bồi thường GPMB (UBND huyện Tĩnh Gia xác nhận tại Công văn số 1539/UBND-TNMT ngày 05/10/2015).

- Hình thức sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;

- Phí thẩm định hồ sơ thuê đất: 250.000 đồng;

- Thời hạn thuê đất: 17 năm 11 tháng kể từ ngày ký Giấy phép.

## **Điều 2. Công ty TNHH Hà Thành có trách nhiệm:**

1. Nộp tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường, lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;
2. Ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường;
3. Tiến hành hoạt động khai thác mỏ theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;
4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;
5. Thực hiện đầy đủ nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án đầu tư khai thác đã được xác nhận, phê duyệt. Quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
7. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;  
  
Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.
9. Trong thời gian cấp phép khai thác mỏ đất trên nếu Nhà nước triển khai dự án Khu dân cư cải tạo theo quy hoạch được duyệt, Công ty phải dừng ngay hoạt động khai thác để bàn giao lại đất cho nhà nước và không được bồi thường bất kỳ khoản chi phí nào đã đầu tư.

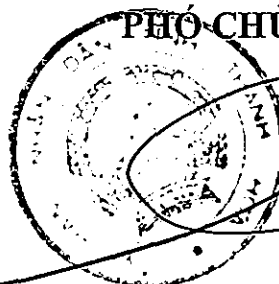
**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép này, Công ty TNHH Hà Thành chỉ được phép tiến hành khai thác sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Tổng Cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Công ty TNHH Hà Thành;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- Ban Quản lý KKT Nghi Sơn;
- UBND huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã Trường Lâm;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký  
nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa  
Số đăng ký: ..... ĐK/KT  
Thanh Hóa, ngày ..... tháng .... năm 2016

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐẤT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP  
TẠI XÃ TRƯỜNG LÂM, HUYỆN TĨNH GIA**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 111 /GP-UBND  
ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

| Điểm góc                                         | Hệ tọa độ VN-2000                             |            |
|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------|------------|
|                                                  | Kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3 <sup>0</sup> |            |
|                                                  | X (m)                                         | Y (m)      |
| <b>Khu vực khai thác (85.700 m<sup>2</sup>)</b>  |                                               |            |
| 4                                                | 2138 416,3                                    | 576 059,3  |
| 5                                                | 2138 424,8                                    | 576 029,2  |
| 6                                                | 2138 502                                      | 576 048,9  |
| 7'                                               | 2138 693,7                                    | 576 097,27 |
| 8'                                               | 2138 696,72                                   | 576 147,68 |
| 9'                                               | 2138 776,7                                    | 576 154,78 |
| 10                                               | 2138 813                                      | 576 351    |
| 11                                               | 2138 489,4                                    | 576 397,9  |
| 12                                               | 2138 499,2                                    | 576 083,9  |
| <b>Khu vực khai trường (5.000 m<sup>2</sup>)</b> |                                               |            |
| 2'                                               | 2138 346,76                                   | 576 005,23 |
| 3'                                               | 2138 328,97                                   | 576 063,15 |
| 4'                                               | 2138 408,35                                   | 576 087,77 |
| 4                                                | 2138 416,3                                    | 576 059,3  |
| 5                                                | 2138 424,8                                    | 576 029,2  |